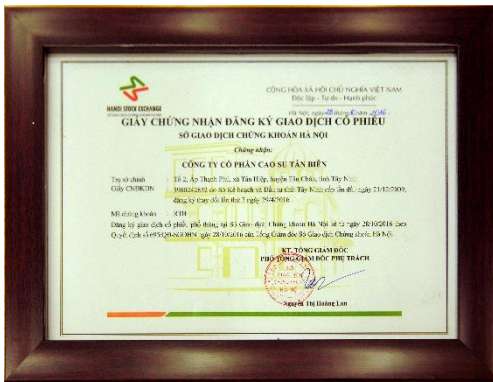


CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



NĂM 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 19 Rủi ro
- 21 Mục tiêu và định hướng phát triển

23

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 25 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình tài chính
- 41 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 45 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB
- 49 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

51

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 52 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 54 Tình hình tài chính
- 55 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 59 Kế hoạch phát triển tương lai

60

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 61 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 63 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 63 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

65 QUẢN TRỊ CÔNG TY

77 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

79 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2022 là năm thứ hai Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030. Năm 2022, kinh tế Việt Nam mặc dù không tránh khỏi những tác động bất lợi nhưng đã cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng vốn có. Sau thời gian 2 năm 2020-2021 tập trung thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế", năm 2022 vừa qua nền kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả tích cực và tương đối toàn diện; các cân đối lớn luôn được đảm bảo, nền tảng vĩ mô ổn định, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều khó khăn, bất ổn, nhiều nền kinh tế suy giảm tăng trưởng.

Theo đó, kinh tế Việt Nam dự kiến đạt mức tăng trưởng cao trên 8%, lạm phát được kiềm chế theo mục tiêu đề ra; xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm đã tăng hơn 13,4%, cán cân hàng hóa xuất siêu 10,6 tỷ USD, vốn đầu tư nước ngoài giải ngân tăng 15,1% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 11 tháng tăng 8,6%, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo tăng 8,9%; tiêu dùng trong nước tăng mạnh, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong 11 tháng đầu năm 2022 tăng tới 17,5%...

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngành cao su năm 2022 cả nước xuất khẩu được 2,14 triệu tấn cao su thiên nhiên, đem về 3,31 tỷ USD, tăng 9,6% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với năm 2021. Tuy chỉ tăng nhẹ so với năm trước, nhưng kim ngạch xuất khẩu cao su cũng đã thiết lập mốc kỷ lục mới với 3,31 tỷ USD...

Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam, với 1,5 triệu tấn, trị giá 2,34 tỷ USD; tăng 14% về lượng và tăng 6,3% về trị giá so với năm 2021. Thị trường Trung Quốc chiếm 79,8% trong tổng giá trị xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2022. Thị trường xuất khẩu cao su lớn thứ hai là Ấn Độ, với lượng xuất khẩu sang thị trường này đạt 123,2 nghìn tấn, trị giá 218 triệu USD; tăng 8,8% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với năm 2021. Thị trường Ấn Độ chiếm 6,6% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước. Ngoài ra, các thị trường đứng ở vị trí thứ 3 đến thứ 5 là: Campuchia chiếm 2,9%, Hàn Quốc chiếm 2,5%, sang Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 1,9%. Còn lại là xuất khẩu đến các thị trường khác.

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức:

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2022 là 2.576,53 ha. Đa số diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 2.072,19 ha, chiếm 80,43%) và một số diện tích vườn cây nhóm 1: 504,34 ha, chiếm 19,57%. Đầu năm bệnh phấn trắng phát triển mạnh trên vườn cây đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tán lá của cây cao su, riêng vườn cây nhóm 1, Công ty chỉ tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng với tổng diện tích phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng là 267,89 ha, (vườn cây không nhiễm bệnh).

Để tiết giảm chi phí, năm 2022 Công ty chỉ bón phân vườn cây năm trồng từ 1998 – 1999 và vườn cây nhóm 1, với diện tích bón 629,04 ha/2.576,53 ha chiếm 24,41%.

Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như: phân bón, khí đốt,..làm tăng giá thành sản phẩm.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao của toàn thể người lao động, Công ty đã chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022, tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2022 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.

Trân trọng kính chào.



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tên tiếng anh	: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Vốn điều lệ	: 879.450.000.000 đồng (<i>Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng</i>)
Mã cổ phiếu	: RTB
Trụ sở chính	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	: 0276.3875193 – 3875266
Fax	: 0276.3875307
Email	: tbrc@tabiruco.vn
Website	: www.tabiruco.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27/07/2020.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985 Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh – thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiện Ngôn – thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

2009 Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

2016 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.

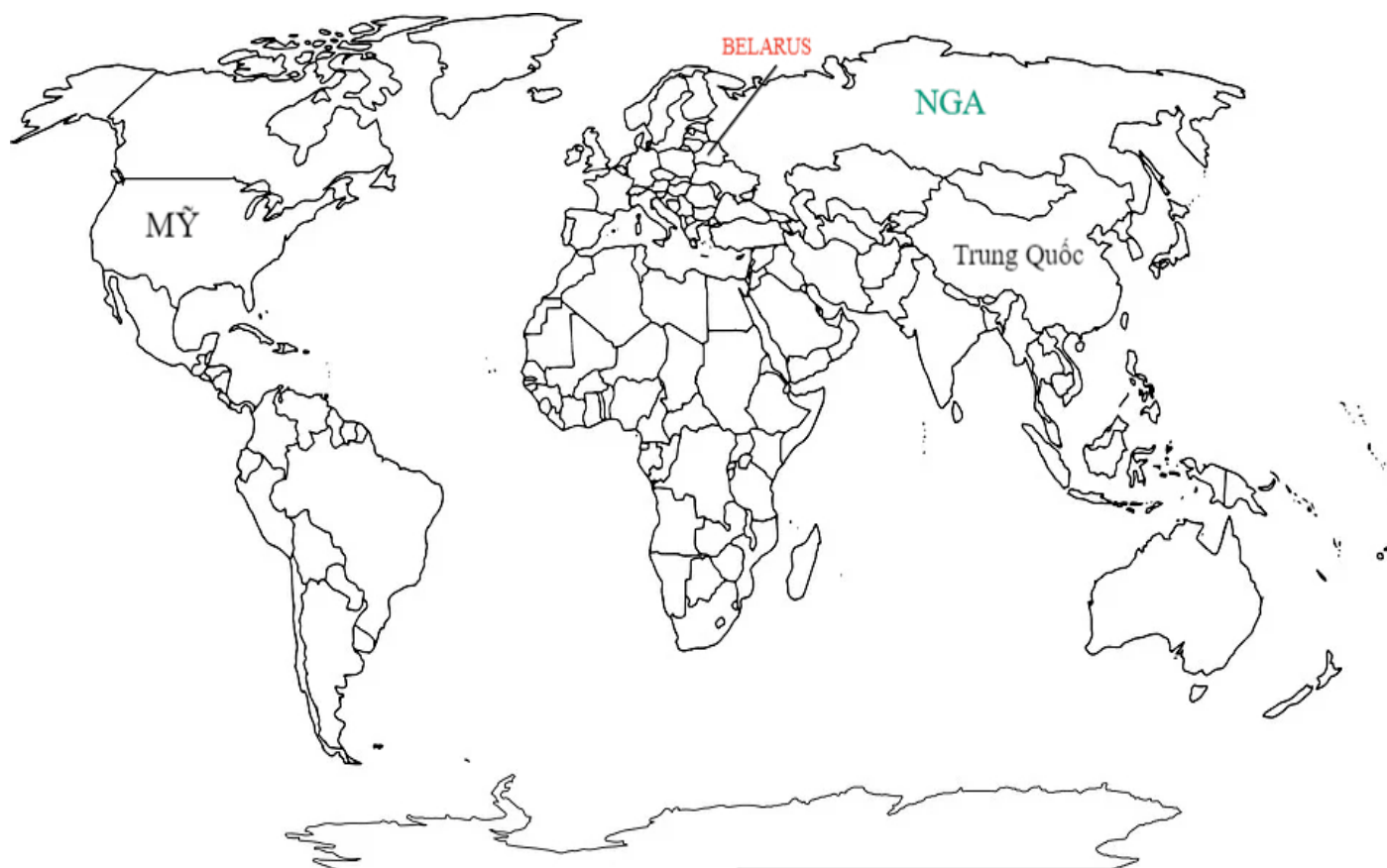
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nito	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17	Khai thác gỗ	0220
18	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đầu tư tài chính.	6499
19	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ cao su	1610
20	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4773
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa	5229
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại (theo quy định của tỉnh); kinh doanh bất động sản	6810
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ.	4210
24	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
25	Chăn nuôi gia cầm	0146
26	Trồng cây ăn quả	0121

27	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
28	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29	Trồng cây lâu năm khác	0129
30	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự	4649
40	Khai thác đá	08101
41	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	35116
42	Truyền tải và phân phối điện	3512
43	Trồng cây hàng năm khác	0119

Địa bàn kinh doanh



NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU







Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



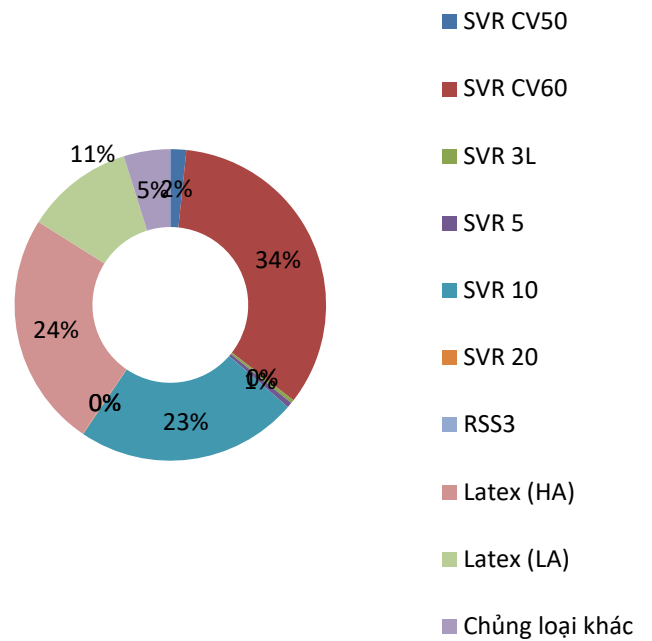
CAO SU SVR CV60

CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)

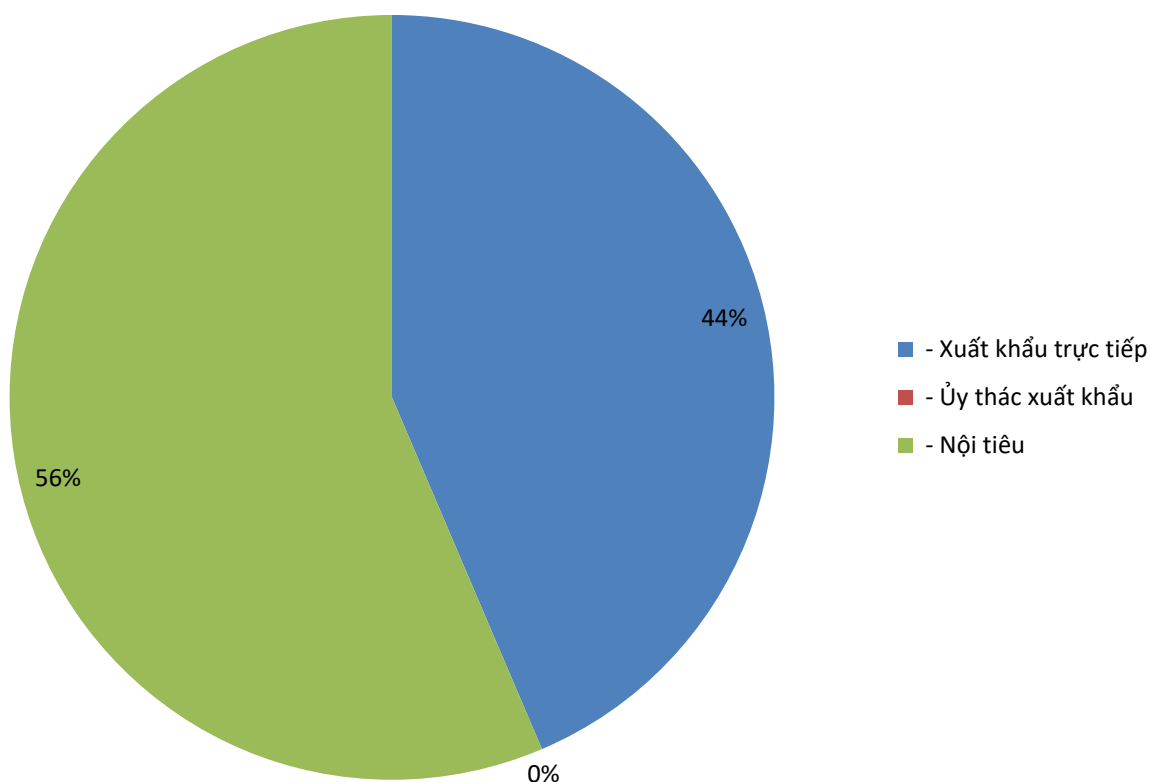
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



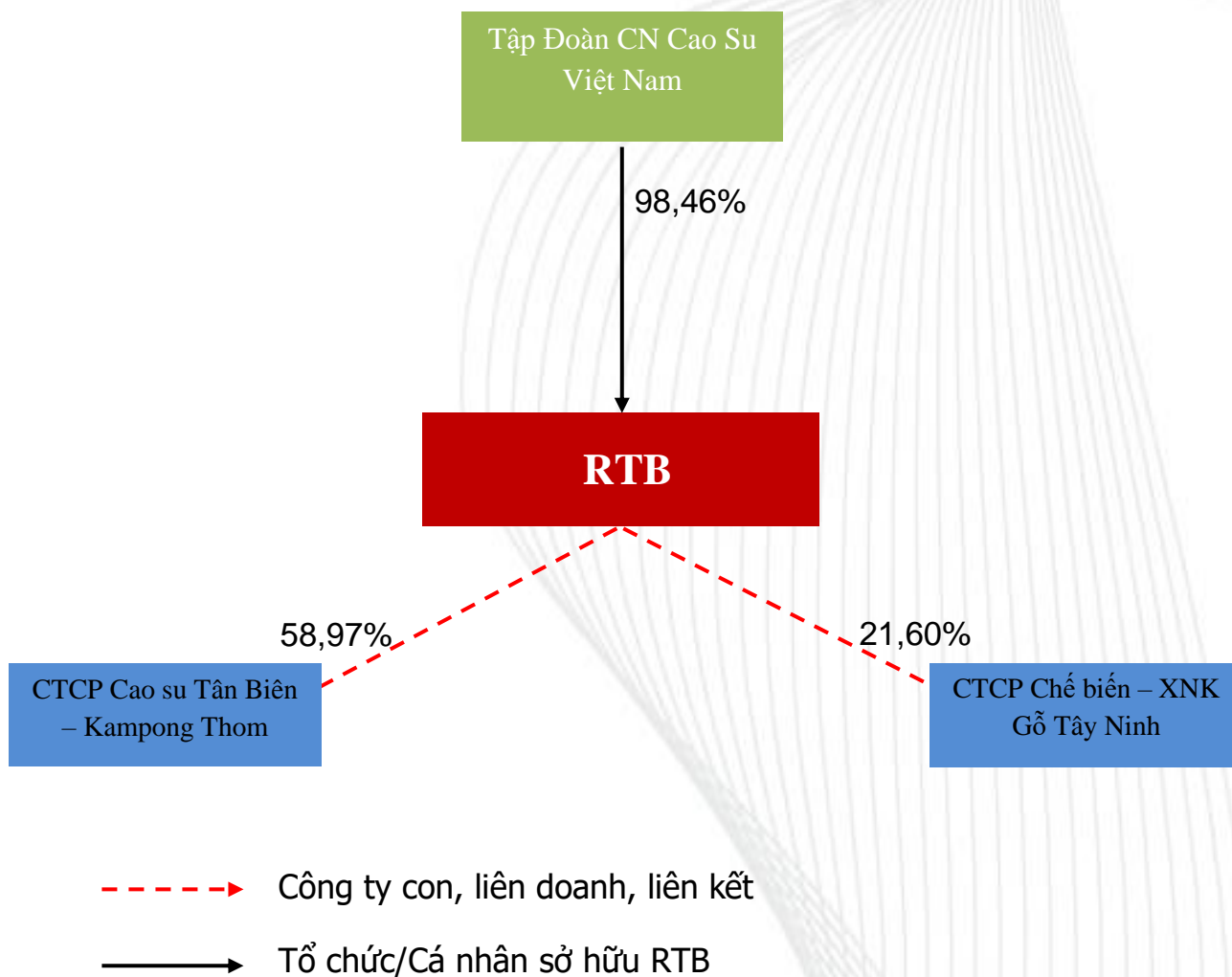
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2021		Năm 2022	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	3.561	149.787	2.947	106.875
Cao su thu mua	1.312	58.047	1.418	61.305
Cao su thương mại	8.724	339.338	11.814	435.503
Hoạt động thanh lý	447,01ha	143.350	358,76ha	119.873

Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ



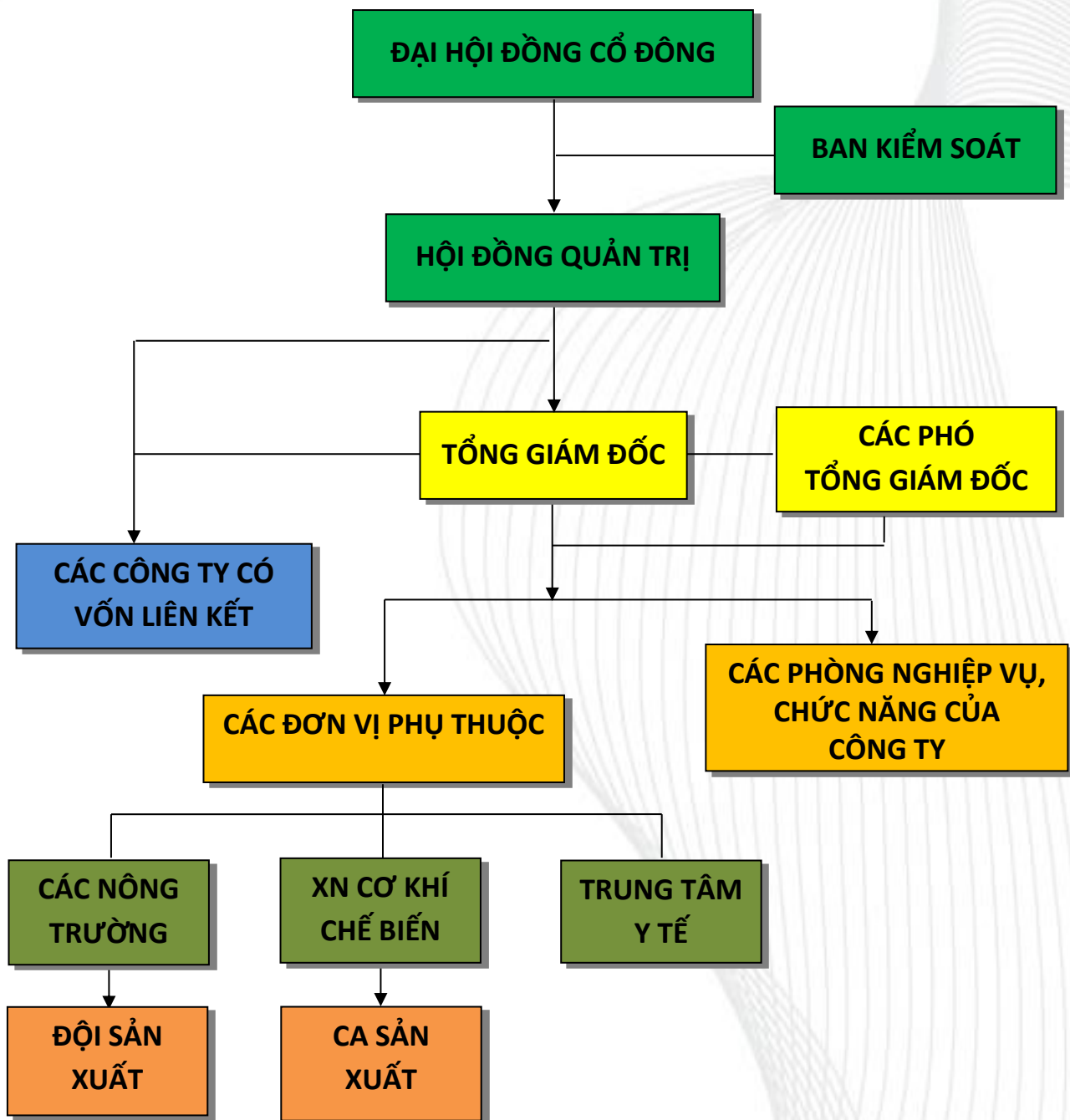
Mô hình quản trị



*Công ty con, liên doanh, liên kết:

1.Công ty con	Công ty CPCS Tân Biên – Kampong Thom
Địa chỉ:	Tổ 8, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ:	1.434 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	58,97% (Số vốn góp tính đến 31/12/2022: 845,6 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su
2.Công ty liên kết	Công ty CP chế biến – XNK Gỗ Tây Ninh
Địa chỉ:	Lô H1, đội G1, thuộc Nông Trường Cao Su Gò Dầu, ấp Bến Muong, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	21,60% (Số vốn góp tính đến 31/12/2022: 10,8 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng 30% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Rủi ro về lãi suất

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty. Bên cạnh đó dịch bệnh COVID-19 với những biến chủng mới đã ảnh hưởng tới nền kinh tế thế giới nói chung và lĩnh vực sản xuất cao su nói riêng.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

Rủi ro về môi trường

Công ty ít chịu rủi ro về môi trường do Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ,...



Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Chuyển đổi một số diện tích đất sang trồng các cây hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời, khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh, phát triển công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.



Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2021.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy và tăng thu nhập người lao động.
- Thực hiện đề án tái cơ cấu theo chủ trương và thỏa thuận của Tập Đoàn CN cao su VN trong đó chú trọng sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại các công ty con, công ty liên kết.
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện tốt việc đầu tư phát triển cao su tại Campuchia.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Thông tin cổ đông
 - ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện 2021	Thực hiện Năm 2022	% KH Năm 2022
Diện tích khai thác	Ha	2.821	2.577	100%
Sản lượng khai thác	Tấn	3.721	3.421	110%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	1,32	1,33	110%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.597	16.144	147%
Tổng doanh thu	Tr đồng	723.956	782.495	148%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	176.412	137.846	113%

Năm 2022 Công ty đạt sản lượng khai thác 3.421 tấn, đạt 110% so với kế hoạch năm 2022. Tổng sản lượng cao su tiêu thụ của Công ty năm 2022 đạt 16.144 tấn cao su các loại, đạt 147% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Nội tiêu được: 9.108,11 tấn.

+ Xuất khẩu được: 7.035,85 tấn

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 119,873 tỷ đồng. Kết thúc năm 2022, Công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 137.846 tỷ đồng vượt 13% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành
02	Trương Văn Cư	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
03	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	TV.HQQT	Thành Viên Độc Lập
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
02	Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
03	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
01	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	
BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Hoàng Văn Vinh	Thành Viên	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Bích Lợi
Chủ tịch HĐQT



Ông Trương Văn Cư
Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Dương Tấn Phong
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



Ông Lâm Thanh Phú
Tv. HĐQT



Ông Đỗ Quốc Tuấn
Tv. HĐQT

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI **Chủ tịch HĐQT**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Năm sinh : 13/7/1968

CCCD : 038168028076

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-06/2019: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

Từ 06/2019- đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.900 CP
- Tỷ lệ: 0,00033%
Đại diện vốn nhà nước: 42.618.053 CP
- Tỷ lệ: 49,12%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

Năm sinh : 30/06/1968

CMND : 072068000008

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP
Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp –
Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty
TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà
máy chế biến – Công ty TNHH MTV
Cao su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám
đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân
Biên

Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 17.589.000 CP - Tỷ lệ:20%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: - Trương Văn
Dễ – Em ruột - Số CP nắm giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.500 CP -
Tỷ lệ: 0,00284%.



Ông DƯƠNG TẤN PHONG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.

Năm sinh : 18/4/1968

CMND : 072068002912

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – 08/2019: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019 – đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 4.200 CP

- Tỷ lệ: 0,0048%

Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP

- Tỷ lệ: 15 %.

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông Lâm Thanh Phú
TV.HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 29/08/1971

CMND : 072071001683

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/1995-11/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 11/1999-08/2004: Phó phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2004-04/2016: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-08/2019: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 5.200 CP
- Tỷ lệ: 0,00059%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Lâm Thanh Hùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0013%.

- Lâm Thanh Tùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

- Trần Nguyễn Thanh Trúc– Em Dâu - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.



Ông Đỗ Quốc Tuấn
TV.HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học

Năm sinh : 12/12/1977

CMND : 290564193

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Năm Trại, Xã Trường Đông,
huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/2009-01/2010: Phó phòng KTNN - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 08/2010-02/2015: Giám đốc nông trường - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 03/2015-04/2018: Phó Giám đốc - Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 05/2018-05/2021: Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 06/2021-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP
- Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP
- Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ (SYLL trong tự phần HĐQT)



Ông DƯƠNG TẤN PHONG (SYLL trong tự phần HĐQT)



Ông TRẦN VĂN TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 26/02/1966

CMND : 044066011630

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom.

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Sang
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Hoàng Quốc Hưng
TV. Ban kiểm soát



Ông Hoàng Văn Vinh
TV. Ban kiểm soát



1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 12/2/1977

CMND : 291085153

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 11/1997-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.000 CP - Tỷ lệ: 0,002%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



2. Ông HOÀNG QUỐC HÙNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/6/1990

CMND : 285290939

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Quá trình công tác :

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng
Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành
viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao
su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su
Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



3. Ông: HOÀNG VĂN VINH

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 10/11/1973

CCCD : 072073003220

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : xã Thạnh Đông - huyện Tân Châu - tỉnh Tây Ninh.

Quá trình công tác :

Từ 12/1995-04/2009: Kế toán Tổng hợp Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/2009-04/2017: Tổ trưởng tổ tín dụng, Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-05/2020: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 06/2020-đến nay: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV, Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

Thống kê lao động năm 2022

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	0
HĐ không xác định thời hạn	868
HĐ theo thời vụ (công nhật)	0
Tổng cộng	

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ:	928 người
Tăng trong kỳ:	90 người
Giảm:	150 người
Lao động có mặt cuối kỳ:	868 người

Tổ chức cán bộ:

- Điều động; Điều động và bổ nhiệm; Thôi giữ chức vụ, nhiệm vụ; Luân chuyển; Giao nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ: 47 người; Bổ nhiệm: 06 người; Bổ nhiệm lại: 05 người.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 64 người.
- Nâng lương định kỳ: 212 người.

Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 49 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 858.830.000 đồng, bình quân 18,3 tr/người.

Chính sách lao động:

- Công ty đã và đang tiếp tục áp dụng hình thức giao khoán cho công nhân, từ đó làm cơ sở để tính tiền lương, thu nhập cho người lao động.
- Công tác quản lý tiền lương đã được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời, đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn.
- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.
- Tổng quỹ lương KH: 77.954.000.000 đồng.
- Quỹ lương thực hiện: 81.526.000.000 đồng.
- Lương bình quân/người/tháng: Kế hoạch 5.509.000 đồng, thực hiện 6.470.000 đồng.
- Thu nhập bình quân: 8,35 triệu đồng/người/tháng.
- Chi bồi dưỡng độc hại cho người lao động: 2.782.333.700 đồng.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân: 704.767.000 đồng.
- Ăn giữa ca 20.000 đồng/người/ngày: 5.081.869.250 đồng.

Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

Điều trị:

- *Kết quả khám chữa bệnh cụ thể như sau:*
- Điều trị và khám kê toa cho **1.153** lượt người.
- Điều trị nội trú cho : **0** ca. Tổng số ngày điều trị: **0** ngày. Không đạt công suất sử dụng giường bệnh.
- Cấp cứu: **0** ca.
- Chuyển tuyến trên : **55** ca.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **783/913 CBCNV** đạt tỉ lệ 85,5% tổng số CBCNV.

Phòng dịch:

Trong năm 2022 dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp. Trung tâm đã tổ chức phòng chống dịch như sau:

- + Tổ chức phân luồng tại Trung tâm y tế.
- + Nhân viên y tế thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, không để dịch bệnh lây lan trong Trung tâm Y tế.
- + Lập phòng khám hô hấp cấp tính, phòng cách ly tạm thời.
- + Phun thuốc khử khuẩn trong Trung tâm y tế và toàn công ty theo quy định.
- + Công tác test nhanh Covid từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022:
 - Tồn đầu kỳ: 101 kit
 - Nhập trong kỳ: 600 kit
 - Xuất trong kỳ: 290 kit.
 - Tồn cuối kỳ: 411 kit

Trong năm 2022, CB.CNV, người lao động trong toàn Công ty có 276 trường hợp dương tính với Covid 19. Nhờ chủ động trong khâu tiêm ngừa phòng chống dịch bệnh (đa phần đã được tiêm vaccine mũi 3 và mũi 4) và tuân thủ theo chỉ đạo của y tế địa phương về điều trị, cách ly y tế tại nhà nên tất cả các trường hợp nhiễm bệnh được đảm bảo sức khỏe đi làm lại bình thường.

Bảo hiểm y tế:

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây Ninh phát hành.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.
- Bệnh nhân BHYT được đối xử công bằng và tạo mọi điều kiện để khám chữa bệnh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2022	Ghi chú
Tổng tài sản	1.424	
Doanh thu thuần	627	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	138	
Lợi nhuận kế toán sau thuế	107	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	77,01	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	22,99	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	19,86	
	- Nợ/Vốn CSH	%	24,79	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,39	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,20	
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	7,28	
	- TS LNST/Doanh thu	%	18,26	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,08	
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	2,91	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,38	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

Tình hình hoạt động 02 dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia. Tổng diện tích vườn cây cao su tại 02 dự án là 12.957,91 ha. Tình hình hoạt động 02 dự án trong năm 2022 như sau:

*** Dự án 1:** Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom:

- Tổng diện tích vườn cây: 7.243,91 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác : 7.243,91 ha.
- Sản lượng cao su khai thác là 14.510 tấn, đạt 104,01% so với kế hoạch 13.950 tấn, năng suất bình quân: 2 tấn/ha.

- Sản lượng cao su chế biến được 19.305 tấn, đạt 101,87% so với kế hoạch là 18.950 tấn.

Trong đó:

+ Chế biến mủ cao su khai thác: 14.620 tấn, đạt 104,80% so với kế hoạch 13.950 tấn.

+ Gia công chế biến được 4.685 tấn, đạt 93,70% so với kế hoạch 5.000 tấn

- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 14.279,58 tấn, đạt 102,36% so với kế hoạch 13.950 tấn.

- Tổng doanh thu: 536,321 tỷ đồng, đạt 103,66% so với kế hoạch 517,4 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 139,767 tỷ đồng. Trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 143,763 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận hoạt động tài chính: -0,979 tỷ đồng

+Lợi nhuận khác: -3.017 tỷ đồng

*** Dự án 2:** Công ty TNHH Cao su Mê Kông

- Tổng diện tích vườn cây: 5.714 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác: 5.714 ha.

- Sản lượng cao su khai thác là 7.503,01 tấn, đạt 111,99% so với kế hoạch 6.700 tấn.

- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 7.468,02 tấn, đạt 111,46% so với kế hoạch 6.700 tấn.

- Tổng doanh thu: 266,798 tỷ đồng, đạt 110,53% so với kế hoạch 241,370 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 39,015 tỷ đồng, đạt 100,04% so với kế hoạch 39 tỷ đồng. Trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 54,63 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận hoạt động tài chính: -15,615 tỷ đồng

*** Kết quả hợp nhất kinh doanh 02 dự án:**

- Tổng doanh thu: 790,174 tỷ đồng, đạt 106,19% so với kế hoạch 744,148 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 176,022 tỷ đồng đạt 103,10% so với kế hoạch 170,733 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 195,441 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận hoạt động tài chính: -16,264 tỷ đồng

+ Lợi nhuận khác: -3.155 tỷ đồng

*** Đánh giá chung hoạt động 02 dự án:**

Hai dự án trồng cao su đầu tư tại Vương quốc Campuchia đã đưa vào khai thác được 12.957,91 ha/ 12.957,91 ha, đạt 100% tổng diện tích vườn cây; nhà máy chế biến mủ hoạt động có hiệu quả đảm bảo công suất chế biến mủ nguyên liệu tại 02 dự án và gia công cho các đơn vị khác trong vùng.

Được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Ban Chỉ đạo Phát triển Cao su Campuchia, Văn phòng đại diện Tập đoàn tại Campuchia, Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom, cùng với sự nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn và đoàn kết một lòng của Tập thể CBCNV-NLĐ trong toàn Công ty nên trong năm 2022 đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Các chế độ chính sách, tiền lương của người lao động luôn được Công ty quan tâm và thực hiện đúng quy định đã góp phần động viên khuyến khích toàn thể CBCNV người lao động hăng say, ra sức thi đua tích cực trong hoạt động sản xuất.

Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch, sắp xếp công việc hợp lý theo từng hạng mục, thời gian cụ thể nhằm đáp ứng các nhu cầu về tài chính, lao động, vật tư và đầu tư xây dựng các công trình cần thiết để đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời chăm lo tốt cho đời sống của công nhân.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm như đấu thầu mua sắm các loại vật tư thiết bị, rà soát ban hành định mức nhân công, vật tư trong công tác XD/CB và SX/KD.

Song song đó, các Công ty còn làm tốt chính sách an sinh xã hội, đời sống của công nhân từng bước được nâng cao, qua đó tạo hiệu ứng tích cực mang lại sắc thái, diện mạo mới cho địa bàn dân cư quanh vùng nơi công ty trú đóng, được chính quyền nước sở tại đánh giá cao.

Trong năm 2022, Dự án 1 đã thực hiện thủ tục chuyển lợi nhuận năm 2021 về nước với số tiền **2.500.000 USD** tương đương **58,8 tỷ đồng**.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực về hoạt động sản xuất kinh doanh, 02 dự án còn gặp nhiều khó khăn như: Lực lượng lao động thường xuyên biến động, đặc biệt là lao động khai thác, việc thu tuyển lao động còn gặp nhiều khó khăn gây ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác và chế biến. Bên cạnh đó nạn trộm cắp mủ trên địa bàn Công ty mặc dù đã giảm nhiều hơn so với năm trước nhưng vẫn còn lác đác diễn ra. Mặt khác, do tình hình thị trường biến động về giá cả theo xu hướng giảm sâu nên tình hình tiêu thụ của Công ty trong năm 2022 chậm. Một số khách hàng chưa nhận hàng do giá tại thời điểm ký kết phụ lục của hợp đồng dài hạn và nguyên tắc cao hơn so với giá thị trường hiện tại dẫn đến hàng tồn kho nhiều nên cũng làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phôi bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dư nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 2.612 triệu đồng.

3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.

- Tổng vốn điều lệ 823,79 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm, đến cuối năm 2022 đã kinh doanh có lãi.

4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m³/năm.

- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng.
- Thời gian triển khai: năm 2005.
- Đến 31/12/2022 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ.
- Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dự nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông.

5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

- Tổng vốn điều lệ 427 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.
- Ngày 31/12/2014, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.065.570.000 đồng tương đương 106.557 cổ phiếu.
- Ngày 08/04/2020, Công ty tiếp tục thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 677.160.000 đồng, tương đương 67.716 cổ phiếu. Như vậy, đến 31/12/2022 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.257.270.000 đồng, tương đương 1.125.727 cổ phiếu.
- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh khách sạn nên dự án này không đạt hiệu quả trong ngắn hạn, trong năm 2022 công ty kinh doanh có lợi nhuận hơn 208 triệu đồng.

6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng.
- Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP PT Đô thị & KCN Cao su Việt Nam 14,916 tỷ đồng, tương đương 1.491.600 cổ phiếu. Đến 31/12/2022 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này là 4,664 tỷ đồng, tương đương 466.400 cổ phiếu. Năm 2022 công ty kinh doanh có lợi nhuận hơn 53,65 tỷ đồng.

Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư Năm 2022	Luỹ kế đến 31/12/2022		
		Giá trị theo sổ sách	Mệnh giá gốc (10.000đ/cp)	Chênh lệch
Đầu tư vào công ty con (TK 221)	0	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom		795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	0	16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	0	41.306.446.741	61.592.820.000	(20.286.373.259)
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.050.267.464	11.257.270.000	(9.207.002.536)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		1.399.200.000	4.664.000.000	(3.264.800.000)
TỔNG CỘNG	0	852.438.957.720	918.024.580.000	(65.585.622.280)



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

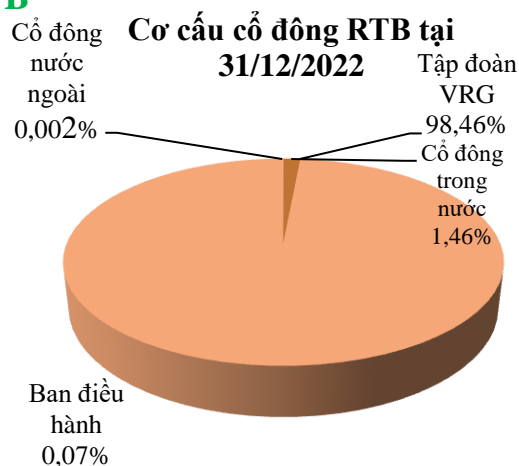
Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2022: 10.000 đồng



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	86.590.553	98,46%
Cổ đông trong nước	1.353.647	1,54%
-Tổ chức	120.000	0,14%
-Cá nhân	1.233.647	1,40%
Cổ đông nước ngoài	800	0,0009%
-Tổ chức	800	0,0009%
-Cá nhân		0,0000%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
Tổng cộng	87.945.000	100,00%

Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua

mặt | tabiruco.vn/quan-he-co-dong/



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
TAN BIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY (TABIRUCO)

TRANG CHỦ | GIỚI THIỆU | SẢN PHẨM | TIN TỨC | QUAN HỆ CỔ ĐÔNG | PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | MÔI TRƯỜNG | HÌNH ẢNH / VIDEO | Chọn Ngôn ngữ |

TỔNG QUAN | LƯU TRỮ | KINH DOANH | TÀI CHÍNH | **CỔ PHIẾU** |

Lịch sử giao dịch | Lịch sử tăng vốn - Trả cổ tức | Đồ thị kỹ thuật



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2022

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2022

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND/CCCD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	038168028076	42.620.953	48,46%
Trương Văn Cư	Tv.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	072068000008	17.635.955	20,05%
Lâm Thanh Phú	Tv.HĐQT	072071001683	13.196.950	15,01%
Dương Tấn Phong	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD	072068002912	13.195.950	15,00%
Đỗ Quốc Tuấn	Tv.HĐQT độc lập	072077011910	0	0,00%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	044066011630	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	080077000510	0	0,0000%
Hoàng Văn Vinh	Tv. Ban kiểm soát	072073003220	0	0,000%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	095074009254	0	0,000%
Tổng cộng			86.653.508	98,53%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**

- Tổng lượng nguyên liệu chế biến trong năm 2022 là 4.335 tấn, trong đó chế biến mù Công ty khai thác 2.766 tấn, mù thu mua 1.569 tấn.

- Chất lượng chế biến ổn định, đảm bảo uy tín thương hiệu trên thị trường.

- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:**

- Trong quá trình sản xuất không phát sinh phế phẩm nên không tái chế.

- **Tiêu thụ năng lượng:**

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

- Sản lượng điện tiêu thụ để sản xuất mù cao su trong năm 2022 là: 1.226.330 KW (thấp hơn năm 2021: 55.219 KW).

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**

- Tổng sản lượng điện tiết kiệm được trong năm: không có.

- **Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:**

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Nguồn cung cấp nước: mạch nước ngầm dưới lòng đất.

- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:**

- Công ty không tái sử dụng nước, chỉ sử dụng khoảng 10% cho việc tưới tiêu quanh nhà máy chế biến.

- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- + Hệ thống quan trắc nước thải tự động: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.

- + Hệ thống quan trắc tự động khai thác 02 giếng nước ngầm: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.

- + Quản lý khí thải và nước thải: Hệ thống nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt 100% theo tiêu chuẩn QCVN đúng quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường. Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, cam kết thực hiện tốt chính sách chất lượng và môi trường với phương châm “Phục vụ tốt cho cộng đồng và tạo dựng môi trường xanh trong sản xuất”. Định kỳ gửi báo cáo giám sát cho cơ quan quản lý Nhà nước đúng quy định.

- + Quản lý chất thải nguy hại và chất thải thông thường: lập hồ sơ và đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý triệt để 100% đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật.

- Theo dõi công tác vệ sinh và bảo vệ môi trường khu vực xí nghiệp cơ khí chế biến, duy trì thực hiện ISO 14001:2015.

- Về quản lý sản xuất, chế biến: tiếp tục cải tiến, nâng cấp dây chuyền sản xuất mũ tạp theo quy trình sản xuất gián đoạn đã mang lại hiệu quả cao đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm.

• **Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2022 là 1.050 người.

- Số lượng lao động tính đến 31/12/2022 là 868 người.

- Tiền lương bình quân đạt 6,47 triệu đồng/người/tháng.

- Thu nhập bình quân: 8,35 triệu đồng/người/tháng.

- Ngoài ra, Công ty còn chi các khoản như: chi phí Bảo hộ lao động, Bồi dưỡng độc hại, các loại bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).

- Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm Công ty đã đưa đi đào tạo, tập huấn các lớp về chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách thuế, lao động, tiền lương, BHXH,..., văn thư lưu trữ, quản trị văn phòng, chế biến mũ cao su,... Tổng kinh phí đào tạo năm 2022 là 97,2 triệu đồng.

• Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

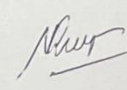
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN

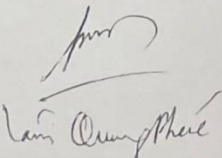
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

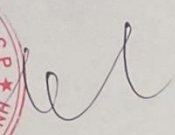
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO, CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

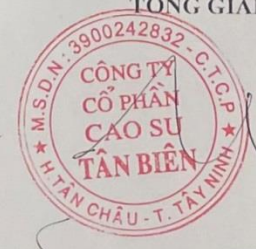
STT	Tên đơn vị	Tên tỉnh thành phố được hỗ trợ	Kết quả thực hiện năm 2022			Đăng ký ủng hộ năm 2023 (1.000đ)
			Số tiền (1.000đ)	Số nhà xây dựng mới (căn)	Số nhà sửa chữa(căn)	
1	Đóng góp quỹ vì người nghèo	Tây Ninh	80.000			50.000
2	Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương	Tây Ninh, TP HCM	297.600			50.000
3	Hội nạn nhân chất độc màu da cam					
4	Hỗ trợ quỹ và xây nhà đền ơn đáp nghĩa	Tây Ninh	30.000			30.000
5	Xây dựng nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà rộng					
6	Xây dựng, tu sửa trường học					
7	Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ Liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng, truyền thống, văn hóa	Tuyên Quang	50.000			
8	Ứng hộ đồng bào lũ lụt, đồng bào thiên tai					
9	Ứng hộ chiến sĩ đồn Biên phòng, công an biên giới	Tây Ninh	10.000			10.000
10	Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khỉ					
11	Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội LHL phụ nữ, làng thôn	Tây Ninh	103.000			100.000
12	Hỗ trợ chiến sĩ, người dân trên Đảo Trường Sa					
13	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính Phủ					
14	Đóng góp các quỹ, chương trình phòng chống dịch Covid-19					
15	Hỗ trợ các chương trình cho hoạt động an sinh xã hội khác	Tây Ninh, TP HCM	538.590			260.000
Tổng cộng			1.109.190			500.000

Ngày 5 tháng 2 năm 2023

LẬP BIỂU: 
Nguyễn Thị Kim Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG: 
Trương Văn Cư

TỔNG GIÁM ĐỐC: 
Trương Văn Cư



- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

- Trong năm 2022, Công ty được tổ chức GFA đánh giá và cấp chứng chỉ rừng quốc gia VFCS cho diện tích cao su: 1.999,12 ha tại NTCS Suối Ngô và tái đánh giá duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC tại NTCS Bồ Túc với diện tích cao su 2.426,99 ha. Lũy kế diện tích cao su đã được cấp chứng chỉ rừng VFCS/PEFC: 4.426,11 ha. Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện và đã được đánh giá tái cấp chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC và DDS do tổ chức SGS chứng nhận.

- Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công nhận là Doanh nghiệp bền vững (nằm trong Top 100 doanh nghiệp bền vững). Như vậy, Công ty đã có 04 năm liền (2019-2022) được chứng nhận là Doanh nghiệp bền vững.



III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến trong năm
- ❖ Kế hoạch phát triển tương lai

DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2022 là 2.576,53 ha. Đa số diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 2.072,19 ha, chiếm 80,43%) và một số diện tích vườn cây nhóm 1: 504,34 ha, chiếm 19,57%. Đầu năm bệnh phấn trắng phát triển mạnh trên vườn cây đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tán lá của cây cao su, riêng vườn cây nhóm 1, Công ty chỉ tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng với tổng diện tích phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng là 267,89 ha, (vườn cây không nhiễm bệnh).

Để tiết giảm chi phí, năm 2022 Công ty chỉ bón phân vườn cây năm trồng từ 1998 – 1999 và vườn cây nhóm 1, với diện tích bón 629,04 ha/2.576,53 ha chiếm 24,41%.

Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như: phân bón, khí đốt,.. làm tăng giá thành sản phẩm.

Đơn giá nhân công tăng theo hàng năm, riêng trong năm 2022 chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng gần gấp đôi so với năm trước như: phân bón, thuốc BVTV, chi phí máy,.. ảnh hưởng đến công tác quản lý suất đầu tư và chăm sóc vườn cây KTCB.

Công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều, Công ty đã tổ chức cạo d/4, vận động công nhân nhận thêm phần cây để cạo choàng nhưng vẫn thiếu lao động, nên phải thực hiện công tác nhượng quyền khai thác bên ngoài với diện tích 542,44 ha.

Thị trường tiêu thụ cao su vẫn bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, tình hình chiến tranh giữa Nga - Ukraina, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm. Do đó, dẫn đến giá bán cao su đã có giai đoạn biến động giảm mạnh trong quý II/2022, sau đó phục hồi trong tháng 6 rồi lại giảm nhanh vào tháng 7 cho đến cuối năm đã làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, khách hàng gửi kho nhiều.

Năm 2022, thời tiết mưa giông nhiều, đã làm gãy đổ 1.598 cây (trong đó: Xa Mát 7 cây, Tân Hiệp 128 cây; Bồ Túc 1.458 cây; Suối Ngô 5 cây).

Công tác bảo vệ mù trên vườn cây còn chưa tốt, tại các Nông trường còn xảy ra nạn trộm cắp mù.

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc; sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.

- Công tác đấu giá vườn cây thanh lý của Công ty được thực hiện tốt, giá trị sau khi đấu giá thanh lý vườn cây tăng lên đáng kể góp phần tăng đáng kể về doanh thu lợi nhuận của Công ty trong năm 2022.

Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2022 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:				
1-Diện tích khai thác:	ha	2.576,53	2.576,53	100,0%
2-Sản lượng khai thác:	tấn	3.120,00	3.420,60	109,6%
3-Năng suất:	tấn/ha	1,21	1,33	109,6%
4-Sản lượng chế biến:	tấn	3.599,00	4.335,00	120,5%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	2.399,00	2.766,00	115,3%
-Mủ thu mua	tấn	1.200,00	1.569,00	130,8%
-Gia công	tấn			
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	11.000,00	16.143,40	146,8%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	2.800,00	2.911,23	104,0%
-Mủ thu mua	tấn	1.200,00	1.418,17	118,2%
-Hàng hóa cao su	tấn	7.000,00	11.814,00	168,8%
+Xuất khẩu:	tấn	4.200,00	7.035,84	167,5%
-Trực tiếp	tấn	4.200,00	7.035,84	167,5%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn	0,00	0,00	
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn	0,00	0,00	
+Nội tiêu:	tấn	6.800,00	9.107,56	133,9%
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	2.203,13	5.734,78	260,3%
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:				
1-Giá thành tiêu thụ:	Tr đồng	36,44	39,33	107,9%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	36,31	38,13	105,0%
-Mủ thu mua	Tr đồng	39,35	45,52	115,7%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	36,00	38,89	108,0%
2-Giá bán tiêu thụ:	Tr đồng	37,27	38,73	103,9%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	39,50	39,05	98,9%
Mủ thu mua	Tr đồng	39,50	42,32	107,1%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	36,00	38,22	106,2%
3 -Tổng doanh thu:	Tr đồng	530.010	782.495	147,6%
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	121.900	137.846	113,1%
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	46.110	91.720	198,9%
6-Tỷ suất lợi nhuận:				
_ Trước thuế/doanh thu	%	23,00	17,12	74,4%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	13,86	15,23	109,9%
7-Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	5,00	15,00	300,0%
8-Tổng đầu tư XDCB	Tr đồng	62.966	33.287	52,9%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Tổng tài sản	2.769	2.800	98,91
Tài sản ngắn hạn	637	661	96,29
Phải thu ngắn hạn	31	18	176,48
Hàng tồn kho	236	192	122,76
Tài sản dài hạn	2.133	2.139	99,72

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Nợ phải trả	550	724	75,95
Nợ ngắn hạn	289	380	75,99
Vay và nợ ngắn hạn	51	59	86,40
Phải trả người lao động	64	90	71,18
Quỹ khen thưởng phúc lợi	37	24	156,12
Nợ dài hạn	261	344	75,91
Vay dài hạn	250	333	75,12

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác chế biến

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.
- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.
- Xe vận chuyển nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.



Công tác tài chính

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);
- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;
- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.
- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

▪ Công tác tái canh:

Công ty thực hiện trồng tái canh từ ngày 19/05/2022, diện tích trồng tái canh đến ngày 30/07/2022 đạt 192,97 ha/192,97 ha đạt 100%. Tuy nhiên, do vườn ương trồng từ năm 2021, bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên công tác đi lại chăm sóc có hạn chế, vì vậy Công ty phải trồng 85,63 ha bằng bầu cắt ngọn.

▪ Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

Công ty tiếp tục thực hiện và chăm sóc tốt vườn cây KTCB với tổng diện tích là 2.780,05 ha.

Vườn cây được theo dõi, chăm sóc, thường xuyên đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, công tác bón phân, được thực hiện tốt. Tuy nhiên việc giảm phân bón từ năm thứ 4 trở đi và không bón vườn cây cuối kỳ chăm sóc cũng phần nào ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây.

Công tác tía chồi được áp dụng theo đúng quy trình kỹ thuật; công tác bảo vệ thực vật, bảo vệ vườn cây, công tác phòng chống cháy trên vườn cây cao su KTCB được kiểm tra thường xuyên.

Quản lý suất đầu tư :

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2022 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 60,496 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài:

- **Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản**

- * **Về xây lắp:**

- + Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm thật sự cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh gồm các công trình: Công trình xây dựng hàng rào khu vực hệ thống xử lý nước thải - XN.CKCB; Công trình sửa chữa đường lô tại các Nông trường Tân Hiệp, Bồ Túc, Suối Ngô; Công trình xây dựng nhà làm việc Đội SX - NTCS Tân Hiệp; Công trình xây dựng Nhà làm việc Đội SX NTCS Bồ Túc; Cải tạo sửa chữa Cổng tường rào, nhà bảo vệ Khu nhà làm việc Văn phòng Công ty; Mái che xuất hàng tại XNCKCB; Công trình xây dựng cống thoát nước và đắp đất nền đường (tại tuyến lô F57-F58/G57-G58) tại NTCS Bồ Túc; Công trình xây dựng hàng rào - Khu vực Vp Công ty; Công trình phục hoang và xây dựng vườn cây năm 2022.

- + Ngoài ra, Công ty phối hợp với các đơn vị tư vấn giám sát tiếp tục triển khai thi công công trình: “Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m³/ngày.đêm tại Xí nghiệp CKCB”. Ngày 02/12/2022, Sở TNMT tỉnh Tây Ninh đã tổ chức Đoàn đi kiểm tra thực trạng tại Xí nghiệp CKCB để cấp giấy phép môi trường, và hiện tại Công ty đang triển khai thực hiện các nội dung góp ý, chỉnh sửa các ý kiến của Sở TNMT nêu tại văn bản số 8388/STNMT-PBVTV ngày 12/12/2022.

- * **Về mua sắm thiết bị:**

- Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư 01 Máy đo độ nhớt Money; 01 Máy đo độ ổn định cơ học cao su (MST); 02 hệ thống quan trắc giếng nước tự động.

- Giá trị đầu tư XDCB năm 2022 đạt 33,287 tỷ/62,966 tỷ đồng, đạt 52,86% kế hoạch.

- **Công tác đầu tư tài chính**

- Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

- **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco**

- Tổng vốn điều lệ 823,79 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ

năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm, đến cuối năm 2022 đã kinh doanh có lãi.

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom**

Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2022: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,03%. Dự án đi vào khai thác, bước đầu dự án đã có kết quả kinh doanh hiệu quả trong năm 2022, kết quả kinh doanh của Dự án lãi 154,604 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ, Quân sự:

- Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Công tác phối hợp cùng với công an địa phương, lực lượng tự vệ và công nhân tự quản của công ty trong việc bảo vệ vườn cây, phòng chống mất cắp mủ được công ty duy trì tốt. Từ đầu năm đến nay, Công ty phối hợp với công an địa phương đã xử lý một số vụ trộm cắp mủ và đập phá vật tư, xâm hại đến cây cao su.

- Công ty luôn quan tâm đến công tác tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay có một số nhân viên bảo vệ mới tuyển dụng công ty chưa tập huấn nghiệp vụ theo quy định của Bộ công an.

- Tổ chức sơ kết 06 năm thực hiện Quy chế phối hợp giữa Công ty CPCS Tân Biên và Công an tỉnh Tây Ninh. Triển khai ký kết quy chế mới giữa: Công ty và Công an tỉnh; các Nông trường và công an 02 huyện Tân Châu, Tân Biên.

- Trong năm Công ty phối hợp với Công an tỉnh Tây Ninh tổ chức được 02 lớp tập huấn công tác quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ và lực lượng bảo vệ chuyên trách. Kết thúc lớp học 69 học viên đều đạt yêu cầu và được Công an tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận.

- Từ ngày 21/4/2022 đến 28/4/2022 Công ty phối hợp với Công an huyện Tân Châu, Công an huyện Tân Biên tổ chức tuyên truyền một số chuyên đề như: Luật giao thông đường bộ và tình hình ANTT tại địa phương; tuyên truyền gương người tốt việc tốt trong đấu tranh phòng chống tội phạm; phóng sự tuyên truyền về công tác lực lượng công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện; Luật PCCC (Các nguyên nhân gây cháy nổ và các biện pháp PCCC) được 06 lớp với 864/905 lượt người tham gia đạt 95,5%.

- Công ty đã phối hợp cùng Đội Cảnh sát PCCC & CNCH Công an huyện Tân Châu tổ chức tập huấn phương án PCCC&CNCH, phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, môi trường năm 2022 với 50 người thuộc lực lượng PCCC tại chỗ tham gia.

- Trong năm, các Nông trường trực thuộc Công ty thực hiện tốt công tác phối hợp với ngành Công an tổ chức tuần tra truy quét được 52 đợt có 106 lượt người tham gia, thu hồi 2.341 kg mủ các loại.

- Công ty đã thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và tiếp công dân.

- Tổ chức huấn luyện điều luyện đội ngũ cho 45 đồng chí tự vệ tham gia dự lễ ra quân huấn luyện lực lượng vũ trang tỉnh thời gian 15 ngày.

- Tham gia huấn luyện nâng cao Bắn đạn thật súng trường CKC, K63, AK cho lực lượng tự vệ năm thứ 02 trở lên: 10 đồng chí.

- Tham gia huấn luyện Lực lượng DBĐV 10 đồng chí thời gian huấn luyện 18 ngày.

- Công tác chính sách đối với lực lượng bảo vệ: Công ty trả lương theo hệ số, phụ cấp chức vụ, chế độ ngày nghỉ theo đúng qui định.

Năm 2022 ngoài một số khó khăn nhất định như đã trình bày ở phần trên, nhìn chung các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty đều thực hiện đạt, vượt mức kế hoạch đề ra. Đó là nhờ:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc;
- Sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.
- Đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV được cải thiện, thu nhập tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động được chú trọng nâng cao, đã động viên, khuyến khích mọi người hăng hái thi đua lao động sản xuất;
- Coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý ngang tầm với nhiệm vụ, không ngừng cải tiến lề lối làm việc và phong cách thái độ phục vụ khách hàng.

ích của cổ đông, của người lao động được ưu tiên ở mọi giải pháp.

- Với những kết quả đạt được trong năm 2022, toàn thể CB-CNV Công ty cổ phần Cao su Tân Biên tiếp tục quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

ĐỒNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MƯỜI

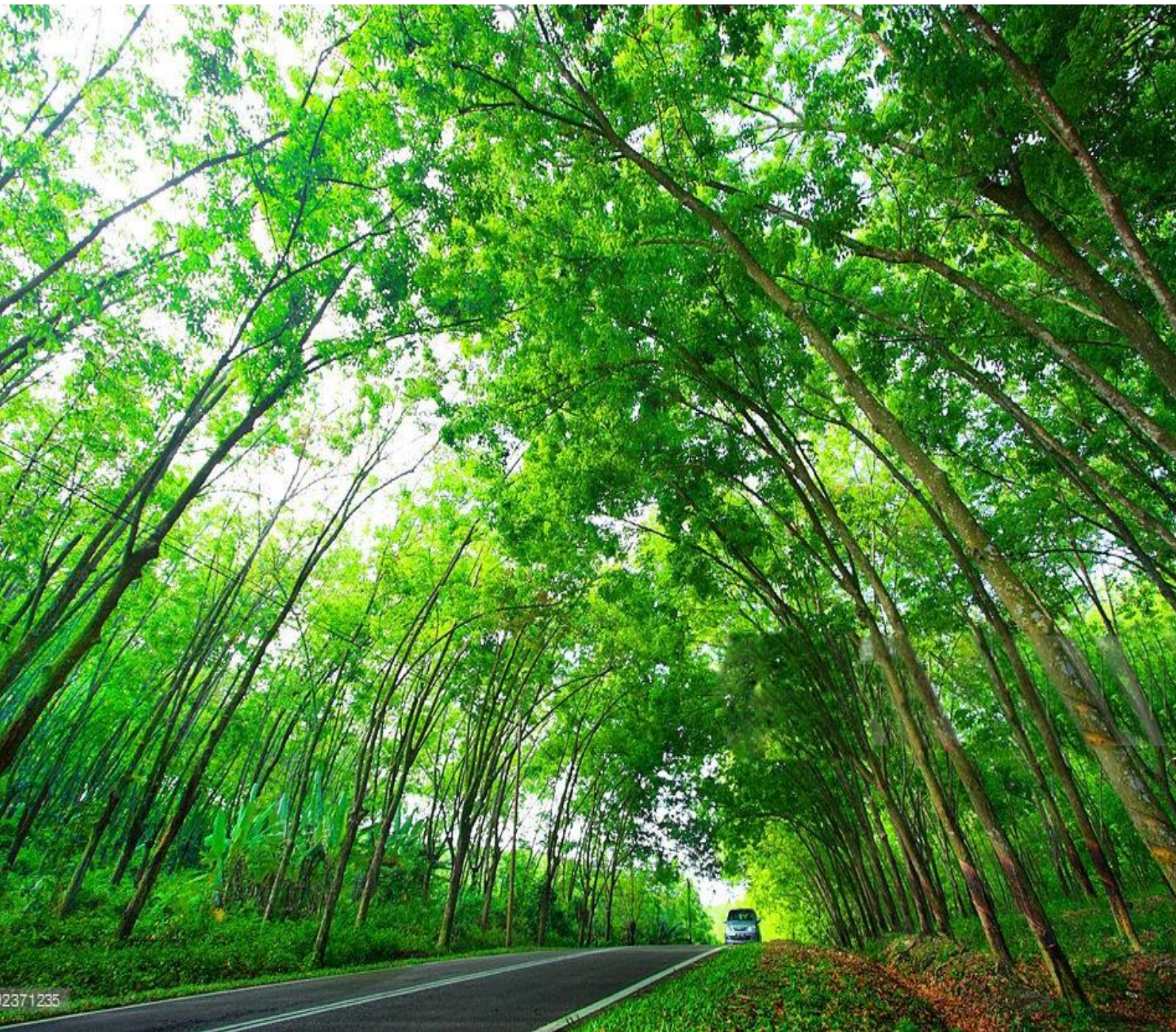


KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
* Diện tích cao su khai thác	Ha	2.314,98
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>2.146,52</i>
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>168,46</i>
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.609,17
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	625,4
* Diện tích cao su tái canh	Ha	474,93
* Sản lượng cao su khai thác.	Tấn	3.200
<i>- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.986</i>
<i>- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>214</i>
* Sản lượng thu mua cao su tiêu điền	Tấn	1.500
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	7.000
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,38
* Sản lượng cao su chế biến	Tấn	4.486
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	12.500
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	614,673
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>473,832</i>
* Giá thành tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	36,92
<i>Trong đó: Giá thành tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>34,01</i>
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	37,91
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>38,02</i>
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	89,61
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	143,79
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá) tối thiểu	%	7
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	16%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	23%
* Tổng nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	60,49
* Lao động bình quân	Người	991
* Thu nhập bình quân	Trđ/người/tháng	7,3

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



2371235

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, nền kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2022 là 2.576,53 ha. Đa số diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 2.072,19 ha, chiếm 80,43%) và một số diện tích vườn cây nhóm 1: 504,34 ha, chiếm 19,57%. Đầu năm bệnh phấn trắng phát triển mạnh trên vườn cây đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tán lá của cây cao su, riêng vườn cây nhóm 1, Công ty chỉ tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng với tổng diện tích phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng là 267,89 ha, (vườn cây không nhiễm bệnh).

Để tiết giảm chi phí, năm 2022 Công ty chỉ bón phân vườn cây năm trồng từ 1998 – 1999 và vườn cây nhóm 1, với diện tích bón 629,04 ha/2.576,53 ha chiếm 24,41%.

Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như: phân bón, khí đốt,.. làm tăng giá thành sản phẩm.

Đơn giá nhân công tăng theo hàng năm, riêng trong năm 2022 chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng gần gấp đôi so với năm trước như: phân bón, thuốc BVTV, chi phí máy,.. ảnh hưởng đến công tác quản lý suất đầu tư và chăm sóc vườn cây KTCB.

Công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều, Công ty đã tổ chức cạo d/4, vận động công nhân nhận thêm phần cây để cạo choàng nhưng vẫn thiếu lao động, nên phải thực hiện công tác nhượng quyền khai thác bên ngoài với diện tích 542,44 ha.

Thị trường tiêu thụ cao su vẫn bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, tình hình chiến tranh giữa Nga - Ukraina, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm. Do đó, dẫn đến giá bán cao su đã có giai đoạn biến động giảm mạnh trong quý II/2022, sau đó phục hồi trong tháng 6 rồi lại giảm nhanh vào tháng 7 cho đến cuối năm đã làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, khách hàng gửi kho nhiều.

Năm 2022, thời tiết mưa giông nhiều, đã làm gãy đổ 1.598 cây (trong đó: Xa Mát 7 cây, Tân Hiệp 128 cây; Bồ Túc 1.458 cây; Suối Ngô 5 cây).

Công tác bảo vệ mù trên vườn cây còn chưa tốt, tại các Nông trường còn xảy ra nạn trộm cắp mù.

- Ngày 15/06/2022, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Năm 2022, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	Tấn	3.120,00	3.420,60	109,63
Năng suất	Tấn/ha	1,21	1,33	109,63
Sản lượng chế biến	Tấn	3.599,00	4.335,00	120,45
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	11.000,00	16.143,40	146,76
Tồn kho cuối năm	Tấn	2.203	5.735	260,30
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	Triệu đồng/tấn	36,44	39,33	107,92
- Mỏ khai thác	-	36,31	38,13	105,02
- Mỏ thu mua	-	39,35	45,52	115,68
- Hàng hóa cao su	-	36,00	38,89	108,01
Giá bán	Triệu đồng/tấn	37,27	38,73	103,92
- Mỏ khai thác	-	39,50	39,05	98,86
- Mỏ thu mua	-	39,50	42,32	107,14
- Hàng hóa cao su	-	36,00	38,22	106,17
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	530.010,00	782.495,00	147,64
Tổng LNTT	-	121.900,00	137.846,00	113, 08
Tỷ lệ cổ tức trên VDL	%	5,00	15,00	300,00

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2022.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; nâng cấp phiên bản mới hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; xây dựng và áp dụng hệ thống giải pháp và công cụ tinh gọn LEAN.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh, liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tập trung nghiên cứu, thực hiện các thủ tục chuyển đổi một phần đất trồng cao su sang một số lĩnh vực sản xuất khác như: sản xuất công nghiệp, phối hợp với sở ngành của tỉnh Tây Ninh xây dựng quy hoạch sử dụng đất của công ty giai đoạn 2021 – 2030 phù hợp

với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh và chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Tiếp tục duy trì và thực hiện “Phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng quốc gia VFCS theo bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của PEFC; Xây dựng chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm CoC theo tiêu chuẩn mới và hệ thống thẩm định (DDS) theo tiêu chuẩn PEFC-CoC”.
- Tăng cường công tác y tế về thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, cơ quan y tế về phòng chống dịch thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Tiếp tục duy trì bữa ăn giữa ca cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng bữa ăn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

- Diện tích cao su khai thác 2.314,98 ha.
- Sản lượng cao su khai thác 3.200 tấn. Trong đó:
 - + Sản lượng Công ty tự khai thác: 2.986 tấn.
 - + Sản lượng nhượng quyền khai thác: 214 tấn.
- Sản lượng thu mua mủ cao su nguyên liệu: 1.500 tấn.
- Sản lượng cao su chế biến: 4.486 tấn (trong đó mủ công ty khai thác 2.986 tấn; thu mua 1.500 tấn).
 - + Tiêu thụ sản phẩm: 12.500 tấn (trong đó xuất khẩu và UTXK: 5.000 tấn).
 - + Tổng doanh thu: 614,673 tỷ đồng (trong đó doanh thu cao su 473,832 tỷ đồng)
 - + Giá bán tiêu thụ mủ cao su bình quân: 37,91 triệu đồng/tấn.
 - + Tổng lợi nhuận trước thuế 143,790 tỷ đồng.
 - + Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu: 7%.
 - + Nộp ngân sách nhà nước: 60,49 tỷ đồng.
- Tiền lương bình quân: 5,52 triệu đồng/người/tháng.
- Thu nhập bình quân: 7,3 triệu đồng/người/tháng.



-
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Quan hệ cổ đông
-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên	Thành viên độc lập

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp, ban hành 22 Nghị quyết để quản lý, lãnh đạo trong công tác cán bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức họp với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty để đánh giá tình hình hoạt động và triển khai kế hoạch quý sau, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Hàng tháng HĐQT tham gia họp giao ban cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, nắm bắt thông tin kết quả thực hiện các nghị quyết, chủ trương đã đề ra.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật.

Các Nghị quyết đã thông qua trong năm 2022:

Stt	Ngày tháng văn bản	Số, ký hiệu VB	Tên loại và trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	12/01/2022	06/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác XSKD	100%
2	17/01/2022	09A/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2021	100%
3	19/01/2022	11/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác tiền lương	100%
4	21/01/2022	12/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác tiền lương	100%
5	21/01/2022	14/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
6	23/02/2022	28/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
7	02/03/2022	35/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
8	28/03/2022	48/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết họp HĐQT Công ty quý I năm 2022	100%
9	30/03/2022	51/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
10	25/04/2022	69/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%

Stt	Ngày tháng văn bản	Số, ký hiệu VB	Tên loại và trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	25/04/2022	70/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
12	25/04/2022	76/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
13	28/04/2022	86/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v tổ chức họp Đại hội đồng thường niên năm 2022	100%
14	25/05/2022	111/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết họp HĐQT Công ty Quý II/2022	100%
15	25/07/2022	161/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương bàn giao đất về địa phương để thực hiện Công trình: Đường ĐT 794.	100%
16	11/08/2022	177/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp HĐQT Công ty Quý III/2022	100%
17	31/08/2022	191/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
18	06/09/2022	201/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chi trả 4% cổ tức còn lại năm 2021	100%
19	07/11/2022	262/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp HĐQT Quý IV/2022	100%
20	25/11/2022	279/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương chi tạm ứng cổ tức năm 2022	100%
21	26/12/2022	305/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng dài hạn tiêu thụ cao su với Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên - KPT và Công ty TNHH cao su MeKong năm 2023	100%
22	29/12/2022	308/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v điều chỉnh cơ sở tính giá của mũ CSR 10 khi ký kết hợp đồng dài hạn với Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên -KPT năm 2023	100%



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển bền vững của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã cơ bản hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong những năm tới.

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên	Thành viên độc lập



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đề cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2022 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		636.734	
2	Tài sản dài hạn		2.132.688	
	Tổng tài sản		2.769.422	
3	Nợ phải trả		550.074	
4	Vốn chủ sở hữu		2.219.349	
	Tổng nguồn vốn		2.769.422	
5	Doanh thu	530.010	782.495	147,64%
6	Chi phí	408.110	648.539	158,91%
7	Lợi nhuận trước thuế	121.900	137.846	113,08%
8	Lợi nhuận sau thuế	97.520	107.370	110,10 %
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	3.120	3.420,60	109,63%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	3.599	4.335	120,45%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	11.000	16.143	146,76%
12	Giá bán bình quân (ngàn đồng/tấn)	37,27	38,73	103,92%

Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2022:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022	ĐVT	Mức đạt theo BCTC HN năm 2022
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,386
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	Lần	2,202
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	17,12%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	4,84%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,069

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là vốn của chủ sở hữu được bảo toàn.

Năm 2022, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết HĐQT, như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 26,919 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,327 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm 2021 là 19% mệnh giá: 167,095 tỷ đồng
- Tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng 5% mệnh giá: 43,972 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác đầu tư:

Đầu tư XDCB năm 2022 của Công ty:

- Tổng mức đầu tư năm 2022: 33.287 triệu đồng, được đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty và Vốn tín dụng. Tất cả các dự án đều được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch.
- Công tác chỉ đạo và triển khai dự án từ các khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, lập dự toán, thẩm tra, thẩm định dự toán và phê duyệt các dự án thực hiện theo quy định về thủ tục, trình tự quản lý đầu tư xây dựng. Đơn vị thiết kế, lập dự án, báo cáo đầu tư có chức năng hành nghề. Tùy theo quy mô dự án thuê tư vấn thẩm tra Thiết kế - Dự toán, công ty tự tổ chức thẩm tra và thẩm định phê duyệt dự án, công trình, Công ty tự tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu chọn đơn vị thi công. Song song đó, Công ty tự kiểm tra giám sát công trình làm cơ sở theo dõi để nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- Mỗi công trình đều có quyết định cử cán bộ nghiệp vụ chuyên môn làm công tác giám sát tại hiện trường. Thành phần nghiệm thu gồm các phòng nghiệp vụ có liên quan để thực hiện cho từng dự án, từng công trình xây dựng. Công tác nghiệm thu thực hiện đúng theo quy định về quản lý chất lượng, cụ thể nghiệm thu công việc, công đoạn và tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công tác quyết toán căn cứ khối lượng thực hiện được nghiệm thu thể hiện trên bảng vẽ hoàn công.

Đầu tư tài chính ra bên ngoài:

Tính đến 31/12/2022, Công ty đang đầu tư vào 06 dự án với tổng số vốn đã góp là 918.024 triệu đồng. Có thể đánh giá hiệu quả công tác đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Trong quá trình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, Công ty thực hiện đúng trình tự thủ tục về đầu tư vốn, kể cả việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Tất cả các dự án đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận và được Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết về đầu tư vốn, có quyết định cử người đại diện vốn đầy đủ.
- Về tiến độ đầu tư, Công ty thực hiện góp vốn các khoản đầu tư theo kế hoạch do các Công ty nhận đầu tư thông báo và đều được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, Tổng quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty là: 81,526 tỷ đồng, tiền lương bình quân đạt 6,47 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ lương một cách hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Kiểm soát công nợ:

- Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Các công tác khác của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XDCB, tiền lương, ... tại Công ty;

- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

- Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2023 như sau:

Lĩnh vực Tài chính:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện giá thành khai thác, chế biến và các chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông, Nhà nước.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cao su Tân Biên năm 2023; 06 tháng đầu năm 2023.
- Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản lượng khai thác.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch và thực hiện suất đầu tư theo các quy định quản lý suất đầu tư của Tập đoàn.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón theo các quy định của Tập đoàn.

Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư:

- Kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, mua sắm thường xuyên.
- Kiểm tra, giám sát nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực Lao động tiền lương:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2022, xây dựng kế hoạch lao động và kế hoạch tiền lương năm 2023.

- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, phê duyệt kế hoạch lao động; đào tạo và an toàn vệ sinh lao động.

Một số công tác khác:

- Giám sát hoạt động thu mua và gia công mủ cao su.

- Giám sát tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Giám sát việc thẩm định báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampongthom.

- Giám sát các lĩnh vực mà Công ty dự kiến thực hiện trong thời gian tới như về dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác mỏ đá, khu công nghiệp...

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất khi có yêu cầu của Công ty, Tập đoàn và những lĩnh vực mà Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy cần thiết, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2022

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương + Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Lê Thị Bích Lợi	490.280.581	39.900.000		
	Trương Văn Cư	457.874.926	37.500.000		
	Dương Tấn Phong	411.133.405	33.500.000		
	Lâm Thanh Phú	39.330.000	4.630.000		
	Đỗ Quốc Tuấn	29.430.000	4.130.000		
2	Ban kiểm soát				
	Nguyễn Văn Sang	367.493.099	30.800.000		
	Hoàng Quốc Hưng	34.260.000	5.500.000		Không có phát sinh
	Hoàng Văn Vinh	34.260.000	5.000.000		
3	Ban điều hành				
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên		
	Dương Tấn Phong	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	397.877.032	32.600.000		
4	Kế toán trưởng				
	Lâm Quang Phúc	372.083.125	30.800.000		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2022):
Không có

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	648
		Bán cây cao su thanh lý	29.739
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Mua mủ cao su thành phẩm	11.725
		Bán tài sản thanh lý	1.379
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua mủ cao su	283.464
Caoutchouc Mekong Co., Ltd	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua mủ cao su	164.633
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Chia cổ tức	77.931
Công ty Cổ phần Quasa - Geruco	Ông Dương Tấn Phong làm thành viên HĐQT	Chia cổ tức	300

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung trong năm 2022 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.

Năm 2022, Công ty vinh dự đạt được giải thưởng Doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn trên UPCOM thực hiện tốt Công bố thông tin và minh bạch năm 2021-2022

The screenshot shows the website interface for Tabiruco's Shareholder Relations. The header includes the company logo and name: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN** (TABIRUCO). The navigation menu includes: TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, MÔI TRƯỜNG, HÌNH ẢNH / VIDEO. Below the menu, there are tabs for TỔNG QUAN, LƯU TRỮ (selected), KINH DOANH, TÀI CHÍNH, and CỔ PHIẾU. The main content area is titled 'Kỳ báo cáo' (Reporting Period) with a dropdown menu set to 'Tất cả' (All). A table lists various reports and documents with their dates and titles. On the right, there is a 'Loại tài liệu' (Document Type) sidebar with a list of document categories and checkboxes.

Ngày	Tên tài liệu
16/02/2023 11:29	BCTC Riêng đa kiểm toán năm 2022
18/01/2023 14:01	BCTC Hợp nhất Quý 4/2022
17/01/2023 08:57	BCTC Riêng Quý 4 năm 2022
16/01/2023 15:10	Báo cáo tình hình quản trị năm 2022
12/01/2023 10:12	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 31-12-2022
30/12/2022 13:23	Báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022
30/12/2022 11:03	Nghị quyết HĐQT ngày 29/12/2022 về việc điều chỉnh cơ sở tính giá mủ CSR10 khi ký kết hợp đồng dài hạn với Công ty TNHH Phát triển cao su Tân Biên-Kampong Thom năm 2023
27/12/2022 13:30	Thông báo về việc nhận tạm ứng cổ tức năm 2022
26/12/2022 10:15	Nghị quyết HĐQT ngày 26/12/2022 về việc phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng dài hạn tiêu thụ cao su với Công ty TNHH Phát triển cao su Tân Biên-Kampong Thom và Công ty TNHH cao su Mekong năm 2023
25/11/2022 13:29	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt chủ trương chi tạm ứng 5% cổ tức năm 2022

Loại tài liệu

- Tất cả
- Báo cáo tài chính
- Điều lệ và quy chế công ty
- Bản cáo bạch/ Bản công bố thông tin
- Báo cáo thường niên
- Báo cáo tình hình quản trị
- Tài liệu đại hội đồng cổ đông
- Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ
- Nghị quyết/ Quyết định HĐQT
- Bản tin IR
- Tin khác

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN



Tây Ninh ngày tháng năm 2023
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2022



Số: 150223. 002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.600.122.544	503.972.679.697
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	35.424.279.867	195.237.841.660
111	1. Tiền		16.125.491.486	36.108.055.812
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.298.788.381	159.129.785.848
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	102.721.328.987	116.943.736.025
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		102.721.328.987	116.943.736.025
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.740.484.133	15.041.100.101
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	5.333.721.889	9.272.711.973
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.141.991.069	1.722.602.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	6.264.771.175	4.045.786.028
140	IV. Hàng tồn kho	08	189.223.377.234	168.499.386.395
141	1. Hàng tồn kho		210.593.555.855	168.499.386.395
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.370.178.621)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.490.652.323	8.250.615.516
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	926.576.551	952.606.984
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.845.170.993	4.593.443.103
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.718.904.779	2.704.565.429
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.070.368.544.722	1.048.332.647.362
220	II. Tài sản cố định		59.364.536.814	42.507.704.981
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	59.364.536.814	42.507.704.981
222	- Nguyên giá		317.191.825.602	304.162.323.629
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(257.827.288.788)	(261.654.618.648)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	154.721.719.619	152.983.848.616
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		154.721.719.619	152.983.848.616
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	851.024.799.274	850.388.690.256
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	795.041.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.414.158.446)	(2.050.267.464)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.257.489.015	2.452.403.509
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.257.489.015	2.452.403.509
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.423.968.667.266	1.552.305.327.059

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		191.173.147.436	314.482.469.947
310	I. Nợ ngắn hạn		161.665.275.105	294.789.701.616
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	37.425.352.922	71.817.127.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	11.538.821.162	19.257.797.580
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.786.524.108	9.011.379
314	4. Phải trả người lao động		22.455.378.958	45.888.357.345
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.202.138.873	722.116.685
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	50.042.157.098	133.191.718.310
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	184.896.000	184.896.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		37.030.005.984	23.718.676.851
330	II. Nợ dài hạn		29.507.872.331	19.692.768.331
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	18.560.904.768	8.745.800.768
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.232.795.519.830	1.237.822.857.112
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.232.795.519.830	1.237.822.857.112
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>879.450.000.000</i>	<i>879.450.000.000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		107.231.219.700	112.258.556.982
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>49.833.702.982</i>	<i>57.331.050.037</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>57.397.516.718</i>	<i>54.927.506.945</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.423.968.667.266	1.552.305.327.059

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

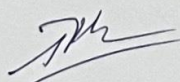
Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



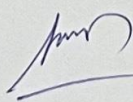
Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	626.857.959.480	549.488.367.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	218.211.840	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		626.639.747.640	549.488.367.889
11	4. Giá vốn hàng bán	23	604.274.817.858	510.375.548.808
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.364.929.782	39.112.819.081
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.878.597.866	14.157.007.882
22	7. Chi phí tài chính	25	1.583.731.486	2.894.066.143
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		150.098.474	63.870.853
25	8. Chi phí bán hàng	26	7.916.138.838	8.268.353.531
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	20.390.808.404	21.513.562.482
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.352.848.920	20.593.844.807
31	11. Thu nhập khác	28	139.341.165.604	160.310.733.370
32	12. Chi phí khác	29	6.847.666.472	4.491.904.205
40	13. Lợi nhuận khác		132.493.499.132	155.818.829.165
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		137.846.348.052	176.412.673.972
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	30.476.331.334	33.540.167.027
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>107.370.016.718</u>	<u>142.872.506.945</u>

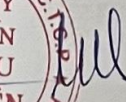


Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập



Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng





Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		649.057.535.721	598.949.442.796
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(586.679.042.529)	(458.764.670.174)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(74.679.324.070)	(64.297.688.735)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(123.528.726)	(76.301.804)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.610.013.967)	(44.129.533.904)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.632.591.127	6.824.324.012
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(100.265.247.379)	(87.368.559.487)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(124.667.029.823)</i>	<i>(48.862.987.296)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.160.043.350)	(28.157.099.535)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		131.772.702.974	119.697.303.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.000.000.000)	(71.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		36.222.407.038	67.534.571.188
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.470.157.280
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.387.551.391	13.926.655.400
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>120.222.618.053</i>	<i>109.471.587.878</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(184.896.000)	(220.406.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(165.243.466.300)	(89.134.607.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(155.428.362.300)</i>	<i>(89.355.013.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(159.872.774.070)</i>	<i>(28.746.412.418)</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		195.237.841.660	223.694.909.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		59.212.277	289.344.252
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>35.424.279.867</u>	<u>195.237.841.660</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2022



Số: 200223.007 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of HLB International

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		636.734.164.090	661.257.995.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	190.370.055.465	265.828.817.260
111	1. Tiền		99.571.267.084	97.199.031.412
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.798.788.381	168.629.785.848
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	103.261.328.987	117.683.093.025
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		103.261.328.987	117.683.093.025
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.026.517.504	17.580.401.551
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	13.012.593.555	9.647.300.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13.966.704.214	6.641.291.772
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	6.712.091.253	4.257.680.260
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.664.871.518)	(2.965.870.674)
140	IV. Hàng tồn kho	10	235.912.223.307	192.172.888.091
141	1. Hàng tồn kho		257.282.401.928	192.172.888.091
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.370.178.621)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		76.164.038.827	67.992.795.358
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	926.576.551	952.606.984
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		73.483.022.984	64.301.078.688
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.754.439.292	2.739.109.686
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.132.687.968.217	2.138.608.623.667
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.508.795.590	3.376.266.390
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	3.508.795.590	3.376.266.390
220	II. Tài sản cố định		1.869.954.527.419	1.778.566.969.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.868.438.241.556	1.776.718.797.691
222	- Nguyên giá		2.646.966.501.117	2.434.568.011.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(778.528.259.561)	(657.849.213.644)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.516.285.863	1.848.172.283
228	- Nguyên giá		3.902.135.265	3.803.908.688
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.385.849.402)	(1.955.736.405)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		159.508.921.056	273.265.043.973
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	159.508.921.056	273.265.043.973
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	61.175.985.112	61.242.797.034
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.283.696.817	21.986.617.757
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.414.158.446)	(2.050.267.464)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.539.739.040	22.157.546.296
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	30.487.917.180	13.154.120.585
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	8.051.821.860	9.003.425.711
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.769.422.132.307	2.799.866.618.952

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		550.073.508.063	724.251.925.978
310	I. Nợ ngắn hạn		289.107.115.924	380.458.522.103
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	13.775.416.234	42.352.919.468
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.863.107.038	22.313.257.606
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.437.996.781	1.425.010.690
314	4. Phải trả người lao động		64.242.191.549	90.257.445.807
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.094.480.428	4.727.690.513
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	52.634.576.186	136.600.928.276
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	51.029.341.724	59.062.592.892
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.030.005.984	23.718.676.851
330	II. Nợ dài hạn		260.966.392.139	343.793.403.875
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	250.019.424.576	332.846.436.312
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.219.348.624.244	2.075.614.692.974
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.219.348.624.244	2.075.614.692.974
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		109.727.142.373	79.820.909.937
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		193.158.422.199	139.240.069.487
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước</i>		41.615.660.563	18.701.066.285
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		151.542.761.636	120.539.003.202
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		741.759.737.272	681.850.391.150
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.769.422.132.307	2.799.866.618.952

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng




Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

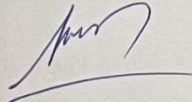
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

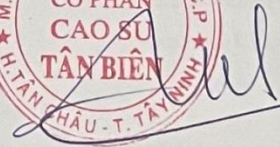
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	937.898.663.202	892.373.530.353
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	1.164.914.231	1.513.982.600
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		936.733.748.971	890.859.547.753
11	4. Giá vốn hàng bán	25	622.107.144.677	553.985.586.552
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.626.604.294	336.873.961.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	28.532.402.782	21.759.014.973
22	7. Chi phí tài chính	27	41.534.720.882	44.838.618.120
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.298.697.574	38.524.028.608
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(702.920.940)	(553.837.263)
25	9. Chi phí bán hàng	28	37.587.117.034	38.437.011.666
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	62.189.833.945	61.516.835.060
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		201.144.414.275	213.286.674.065
31	12. Thu nhập khác	30	138.049.524.274	160.886.780.792
32	13. Chi phí khác	31	11.550.021.943	4.803.035.692
40	14. Lợi nhuận khác		126.499.502.331	156.083.745.100
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		327.643.916.606	369.370.419.165
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	61.832.606.158	33.707.656.587
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.b	951.603.851	(3.248.852.525)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>264.859.706.597</u>	<u>338.911.615.103</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		201.515.261.636	252.456.503.202
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		63.344.444.961	86.455.111.901
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.223	2.561


Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập


Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng


Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		327.643.916.606	369.370.419.165
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		122.257.431.929	107.015.535.986
03	- Các khoản dự phòng		20.433.070.447	(2.538.896.639)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.672.549.970)	1.303.486.132
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(128.415.472.851)	(155.904.506.918)
06	- Chi phí lãi vay		25.298.697.574	38.524.028.608
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		362.545.093.735	357.770.066.334
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(22.127.130.502)	2.025.565.470
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(65.109.513.837)	(71.893.041.213)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả)		(43.553.962.895)	12.581.603.840
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.307.766.162)	6.849.168.299
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.310.529.466)	(38.847.174.969)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.675.766.844)	(44.287.324.906)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.515.200.639)	(19.672.044.306)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		77.945.223.390	204.526.818.549
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.583.707.342)	(96.269.675.891)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		118.353.160.941	142.498.440.015
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.000.000.000)	(71.199.357.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		36.421.764.038	67.534.571.188
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.470.157.280
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.258.845.749	14.835.351.243
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		92.450.063.386	64.869.486.835
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.271.010.308	2.885.725.314
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(115.306.227.050)	(262.622.262.959)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(165.243.466.300)	(89.134.607.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(266.278.683.042)	(348.871.144.645)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(95.883.396.266)	(79.474.839.261)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		265.828.817.260	352.374.969.628
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.424.634.471	(7.071.313.107)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>190.370.055.465</u>	<u>265.828.817.260</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Trụ sở : Tổ 2 - Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: tbrc@tabiruco.vn

Website: www.tabiruco.vn

